

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2021/HS-ST**

Ngày: 08 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Hội.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thế;

Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/HSST-QĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm số: 04/TB-TA ngày 28 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm số: 10^A/TB-TA ngày 26 tháng 8 năm 2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự số: 17/TB-TA ngày 24 tháng 9 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Hoàng P (tên gọi khác là **P**), sinh ngày 11/8/2002, tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 281^A, ấp Vĩnh B, xã Vĩnh T, huyện Lấp V, tỉnh Đồng T; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không có; con ông: Nguyễn Trường K và bà: Võ Thị Bích V; tiền án, tiền sự: Không có; bắt truy nã và tạm giữ ngày 01/4/2021; tạm giam từ ngày 04/4/2021 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; có mặt tại Pên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Quang L (tên gọi khác là **Đ**), sinh ngày 28/9/2003, tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 224, khóm Bình H, thị trấn Lấp V, huyện Lấp V, tỉnh Đồng T; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông: Trần Hoài H và bà: Nguyễn Thị Cẩm H1; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 20/11/2020 bị Công an huyện Lấp Vò xử phạt 750.000 đồng

về hành vi “Trộm cắp tài sản”, chưa nộp phạt; bắt truy nã và tạm giữ ngày: 01/4/2021; tạm giam từ ngày: 04/4/2021 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hoàng P:*

1. Anh Nguyễn Trường K, sinh năm 1973 (cha của P); (có mặt);
2. Chị Võ Thị Bích V, sinh năm 1979 (mẹ của P); (vắng mặt);

Cư trú tại: 281^A ấp Vĩnh B, xã Vĩnh T, huyện Lấp V, Đồng T.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Quang L:*

1. Anh Trần Hoài H2, sinh năm 1975 (cha của L); (vắng mặt);
2. Chị Nguyễn Thị Cẩm H3, sinh năm 1979 (mẹ của L); (có mặt);

Cư trú tại: 224 khóm Bình H, thị trấn Lấp V, huyện Lấp V, Đồng T.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng P và bị cáo Nguyễn Quang L:*

Luật sư Mai Ngọc T là cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp; (có mặt).

- *Bị hại:* Anh Trần Thanh S, sinh năm 1972; *Cư trú tại:* Ấp Vĩnh B, xã Vĩnh T, huyện Lấp V, tỉnh Đồng T; (vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phan Thị H4, sinh năm 1973; *Cư trú tại:* Ấp Vĩnh B, xã Vĩnh T, huyện Lấp V, tỉnh Đồng T; (vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc H5, sinh năm 1991; *Cư trú tại:* Số 167, ấp Hòa T, xã Vĩnh T, huyện Lấp V, tỉnh Đồng T; (vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Ngọc T2 (Chuột), sinh ngày 05/4/2005; *Cư trú tại:* Số 99, ấp Vĩnh Bình B, xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Ngọc T:

- 3.1. Anh Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1987 (cha của T); (vắng mặt);
- 3.2. Phạm Thị H6, sinh năm 1989 (mẹ của T); (vắng mặt);

Cư trú tại: 99 ấp Vĩnh B, xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp V, Đồng T.

4. Nguyễn Chí H7, sinh ngày 21/5/2004; *Cư trú tại:* Số 66, ấp Vĩnh B, xã Vĩnh T, huyện Lấp V, tỉnh Đồng T; (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Chí H8:

- 4.1. Nguyễn Ngọc H9, sinh năm 1984 (cha của H8); (vắng mặt);
- 4.2. Lê Thị Diễm T4, sinh năm 1989 (mẹ của H8); (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 66 ấp Vĩnh B, xã Vĩnh T, huyện Lấp V, Đồng T.

5. Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày 26/9/2005; *Cư trú tại:* Ấp Hòa H, xã Hòa Bình T, huyện Châu T, tỉnh An Gi; (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của Võ Thị Huỳnh N:

5.1. Võ Văn H11, sinh năm 1980 (cha của N); (vắng mặt);

5.2. Nguyễn Thị Thùy T5, sinh năm 1983 (mẹ của N); (vắng mặt);

Cư trú tại: Ấp Hòa H, xã Hòa Bình T, huyện Châu T, An G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 04/10/2020, Nguyễn Chí H8 và Võ Thị Huỳnh N đi từ thành phố Vũng Tàu về xã Vĩnh Thạnh, thì gặp Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Quang L tại công viên xã Vĩnh Thạnh. H8 và N rủ T và L đi chơi game tại tiệm Net 399 ở phía trước công viên, nhưng L không đi mà một mình ở lại công viên chơi. Ngồi được một lúc, thì Nguyễn Hoàng P đi đến ngồi nói chuyện với L. Thấy H8, N, T chơi game không quay trở lại, nên L và P đi ra tiệm Net tìm. Trên đường đi, L và P phát hiện xe mô tô biển số 66N5-0619 của ông Trần Thanh S cư trú ấp Vĩnh Bình A, xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò đang dựng gần công viên đi phun thuốc ấu đang để trong công viên, không có người trông coi, nên P kêu L *“Lấy trộm chiếc xe để lấy tiền tiêu xài”* nhưng L nói: *“Thôi không có lấy, ngoài trước người ta nH8 một bàn kìa”* nên L không dám lấy. P nói tiếp *“Mấy không lấy thì để tao kêu thằng H8 lấy”*. Sau đó, L và P đi ra tiệm Net để gặp H8, N và T.

Đến tiệm Net 399, P và L rủ H8, N và T đi về, thì cả nhóm đi quay lại công viên. Trên đường đi, cả nhóm thấy chiếc xe mô tô biển số 66N5-0619 vẫn còn đó. Lúc này, P kêu H8 lấy trộm xe, nhưng N ngăn cản không cho H8 lấy. L nói *“Thôi để đi, tao với T lấy”*. P liền nói *“Ừ, mấy với T lấy đi”*, thì T cũng đồng ý. Sau đó, cả nhóm hẹn gặp nhau ở nhà của P để thay biển số xe. L và T ở lại lấy trộm xe, còn P, H8 và N đi về nhà của P.

L và T đi đến chiếc xe đang đậu, T đến tìm cách khởi động xe, còn L đứng gần đó để cảnh giới cho T. Một lúc sau, T khởi động được xe rồi điều khiển xe chở L chạy ra hướng lộ 80B để về nhà P. L và T điều khiển xe đến nhà gặp P, N, H8, thì P nói *“Trong nhà tao có biển số khác kìa, vào lấy đổi biển số lại”* rồi đi vào trong nhà lấy biển số khác thay vào xe vừa trộm được đưa cho L và T, còn biển số xe trộm được, thì T ném xuống sông gần nhà P. Đổi biển số xe xong, H8 đưa cho L và T 20.000đ để đổ xăng vào xe, P cùng T đi đổ xăng rồi quay lại nhà của P.

Đến khoảng 19 giờ ngày 04/10/2020, L, P, H8, T cùng nhau bàn bạc đi bán xe để lấy tiền. Do P có mối quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị Ngọc H5 cư trú tại số 167, ấp Hòa Thuận, xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, nên đã cùng với L đi bán cho chị H5. Gặp chị H5, L nói: *“Mẹ L bị tai nạn, cần bán xe để có tiền thanh*

toán viện phí để xuất viện”. Chị H5 nghĩ là thật, nên đồng ý mua xe giá 1.000.000đ đưa tiền cho L, rồi cả hai quay về tiệm Net. Khi về đến tiệm Net, P đưa cho H8 50.000đ để tiêu xài cá nhân, rồi cùng L đi mua ma túy ở huyện Lai Vung. P và L mua 400.000đ ma túy, trả tiền xe ôm 200.000đ, mua thức ăn cho cả nhóm 350.000đ. Sau khi mua ma túy về, L, P cùng H8, T sử dụng ma túy, N chỉ tham gia ăn uống cùng với nhóm mà không sử dụng ma túy chung. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Anh Trần Thanh S phun thuốc ấu xong, phát hiện bị mất chiếc xe trên, nên trình báo sự việc cho Công an xã Vĩnh Thạnh.

Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 chiếc xe mô tô biển số 66N5-0619, nhãn hiệu SOME; 01 ổ khóa xe; 01 boạt bara bằng sắt; 01 miếng ốp bằng mủ; 02 tấm bửng xe bằng mủ. Qua điều tra xác minh, chủ sở hữu chiếc xe biển số 66N5-0619, nhãn hiệu SOME là của chị Phan Thị H6 (vợ anh Trần Thanh S), nên cơ quan điều tra đã giao trả lại tài sản cho anh S, chị H6. Anh S, chị H6 không yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản và kết luận định giá tài sản số: 35/HĐĐG-TS ngày 30/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Lập Vò, xác định: Chiếc xe mô tô biển số 66N5-0619, nhãn hiệu SOME, màu đen, số khung 024152, số máy 24152, dung tích 108 có giá trị là 2.500.000đ.

Tại kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 1457/C09B ngày 10/3/2021 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an giám định độ tuổi của Nguyễn Hoàng P, kết luận: Qua kết quả lâm sàng và cận lâm sàng, xác định thời điểm giám định (tháng 3/2021) Nguyễn Hoàng P có độ tuổi từ 17 năm đến 17 năm 06 tháng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo P và L thống nhất bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc H5 thay cho Nguyễn Chí H8, Võ Thị Huỳnh N và Nguyễn Ngọc T số tiền 500.000đ. Chị Nguyễn Thị Cẩm H3 là mẹ ruột của bị cáo L đã bồi thường số tiền trên thay cho L và P. Chị H3 không yêu cầu nhận lại số tiền này và chị Hân cũng không yêu cầu gì thêm.

Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc H5 có hành vi mua xe của L và P trộm cắp được mà có với số tiền 1.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình điều tra vụ án đã xác định bị cáo P và chị H5 có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước, bị cáo L đến bán xe nói dối với chị H5 là bán xe không giấy tờ của mẹ L và để có tiền thanh toán viện phí cho mẹ L. Chị H5 tin lời bị cáo L nói là sự thật, nên đã đồng ý mua xe. Chị H5 không biết chiếc xe trên do bị cáo L và bị cáo P trộm cắp của người khác rồi mang đi bán. Do đó, chị H5 không phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, nên không xem xét xử lý trong vụ án này.

Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng Nguyễn H3 P có hành vi xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội.

Đối với Võ Thị Huỳnh N, Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Chí H8 có tham gia bàn bạc, trộm cắp chiếc xe trên, cùng hưởng lợi ích khi bán được xe. T là người

trực tiếp thực hiện việc trộm cắp với L; H8 và N cùng hưởng lợi ích khi bán được xe. Tuy nhiên, N, T và H8 là những người chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nên cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt cảnh cáo đối với T và giao cho cơ quan điều tra xử lý vi phạm hành chính đối với N và H8.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKSLVo ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Quang L ra Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên khẳng định việc truy tố trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Quang L đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của anh Trần Thanh S là một chiếc xe mô tô trị giá 2.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo P và L đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của anh Trần Thanh S, gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc thực hiện tội phạm, nhân thân của từng bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự tuyên bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Quang L phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng Điều 17; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P mức hình phạt từ 06 tháng 11 ngày đến 07 tháng tù;

Áp dụng điểm b, i, s khoản 1, Điều 51, điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quang L mức hình phạt từ 06 tháng 11 ngày đến 07 tháng tù.

Do tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, các bị cáo đều là người chưa đủ 18 tuổi, nên áp dụng quy định tại khoản 6 Điều 91 của Bộ luật hình sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đã khắc phục xong, anh S, chị Hà và chị H5 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm, nên không đề nghị không giải quyết.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Quang L đồng ý xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị cáo P là chị Võ Thị Bích V; người đại diện hợp pháp của bị cáo L là anh Trần Hoài H1; bị hại Trần Thanh S; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Thị H6, Nguyễn Thị Ngọc H5, Nguyễn Ngọc T, người đại diện theo pháp luật của T là anh Nguyễn Thanh T3, chị Phạm Thị H6; Nguyễn Chí H8, người đại diện theo pháp luật của H8 là anh Nguyễn Ngọc H9, chị Lê Thị Diễm T4; Võ Thị Quỳnh N, người đại diện theo pháp luật của N là anh Võ Văn H5, chị Nguyễn Thị Thùy T5, đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi của các bị cáo đúng như nội dung cáo trạng và nội dung vụ án đã nêu trên, tại phần tranh luận các bị cáo không phát biểu tranh luận với Kiểm sát viên, lời nói

sau cùng của các bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Quang L: Luật sư Mai Ngọc T thống nhất với nội dung cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo; luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo về điều luật, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không tham gia phát biểu tranh luận. Các bị cáo P, L khi thực hiện hành vi phạm tội đều là người chưa đủ 18 tuổi; trình độ học vấn thấp; hoàn cảnh gia đình nghèo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục H8 quả bồi thường thiệt hại; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cụ thể đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị P, L mức hình phạt là 06 tháng 11 ngày và trả tự do cho các bị cáo tại phiên tòa.

- Bị hại anh Trần Thanh S đã nhận lại tài sản bị mất trộm; anh S, chị Phan Thị H6 và chị Nguyễn Thị Ngọc H5 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lấp Vò và Điều tra viên trong quá trình điều tra; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò và Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Quang L phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án và tại phần tranh luận bị cáo P, L cũng thống nhất với lời luận tội của Kiểm sát viên; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; khi thực hiện hành vi trộm cắp đều là người chưa đủ 18 tuổi. Cụ thể:

Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng P, tại kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 1457/C09B ngày 10/3/2021 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an giám định độ tuổi của Nguyễn Hoàng P kết luận: Qua kết quả lâm sàng và cận lâm sàng, xác định thời điểm giám định về độ tuổi (tháng 3/2021) thì Nguyễn Hoàng P có độ tuổi từ 17 năm đến 17 năm 06 tháng; đối với Nguyễn Quang L, sinh ngày 28/9/2003, tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày

04/10/2020 thì bị cáo L chỉ mới 17 tuổi 06 ngày. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nguy hiểm cho xã hội, nhưng vẫn cố ý thực hiện đến cùng. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Quang L đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Quang L là ít nghiêm trọng, nhưng nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương, xâm phạm tài sản của người khác một cách trái phép. Tài sản của công dân là khách thể được luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi trái phép xâm phạm đến, thế nhưng với bản chất tham lam, ý thức xem thường luật pháp mà các bị cáo cố ý phạm tội. Vì vậy việc đưa bị cáo P, L ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Quang L là những thanh niên có tuổi đời còn rất trẻ, có đầy đủ sức khỏe và là tuy chưa có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhưng có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Lẽ ra các bị cáo phải biết rèn luyện phẩm chất đạo đức, xây dựng nhân cách lối sống theo một chuẩn mực đạo đức của xã hội, tích cực tham gia lao động bằng đôi bàn tay, khối óc của mình để tạo ra của cải vật chất từ nguồn thu nhập chân chính, hợp pháp nhằm nâng cao mức sống cho bản thân và gia đình, góp phần cùng xã hội xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc, giữ gìn an ninh trật tự ở địa phương. Nhưng các bị cáo không làm được điều đó mà do xuất phát từ bản chất ăn chơi lêu lộng, lười biếng lao động, nên các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, dẫn các bị cáo đi đến con đường phạm tội N trước phiên tòa hôm nay. Cụ thể bị cáo P, L đã lấy trộm tài sản của anh S trị giá là 2.500.000 đồng, mục đích chiếm đoạt là để tiêu xài cá nhân. Việc phạm tội của các bị cáo không do một nguyên nhân, một hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nào mang lại, mà xuất phát từ bản chất ăn chơi lêu lộng, lười biếng lao động, với động cơ tham lam cho nên đã thúc đẩy các bị cáo đi vào con đường phạm tội.

Do đó, cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian mới có đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo thành những người hữu ích cho xã hội, đồng thời có ý nghĩa giáo dục và phòng ngừa cho những hành vi tương tự khác có thể xảy ra, nhằm mục đích giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Song, Hội đồng xét xử cũng thấy rằng trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thật thà thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm; đã khắc phục bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc H5 xong. Do đó, xem đây là một trong những tình tiết cấu thành giảm nhẹ về hình phạt có ý nghĩa

về mặt lượng hình cho bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, các bị cáo đều chưa đủ 18 tuổi, nên cần phải áp dụng quy định tại Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Xét thấy bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Quang L là đồng phạm trong vụ án “Trộm cắp tài sản”, Nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết, phân công tổ chức chặt chẽ, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều là người chưa đủ 18 tuổi, Nng các bị cáo đã có sự gợi ý bàn bạc rủ rờ và cùng thống nhất, cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội đến cùng.

Do đó, cần cá thể hóa trách nhiệm, xác định rõ vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, để áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

Bị cáo Nguyễn Hoàng P, do xuất phát từ bản chất ăn chơi liêu lỏng, lười biếng lao động, với động cơ tham lam, bị cáo P là người khởi xướng gợi ý, rủ rờ bị cáo L chiếm đoạt tài sản của anh Trần Thanh S là một chiếc xe mô tô biển số 66N5-0619 nhằm mục đích là bán để lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân, cho nên đã dẫn bị cáo đi đến con đường phạm tội N trước phiên tòa ngày hôm nay. Do đó, bị cáo P là người giữ vai trò chính trong vụ án, đồng thời tại thời điểm phạm tội bị cáo P là người chưa đủ 18 tuổi, trong khi thực hiện việc phạm tội còn rủ rê lôi kéo bị cáo L là người chưa đủ 18 tuổi cùng thực hiện việc phạm tội với mình, nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội, được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Quang L, cũng do xuất phát từ bản chất ăn chơi liêu lỏng, lười biếng lao động, với động cơ tham lam, nên sau khi nghe bị cáo P gợi ý, rủ rê thì bị cáo L đã cùng đồng tâm hiệp lực giúp sức một cách tích cực và là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp. Do đó, bị cáo L là người giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Về nhân thân: Ngày 20/11/2020 bị cáo L bị Công an huyện Lấp Vò xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa nộp phạt, nên về mức hình phạt của bị cáo L vẫn áp dụng tương đồng với bị cáo P là hoàn toàn phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự, thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì bị cáo P, L đều là người chưa đủ 18 tuổi, nên áp dụng quy định tại khoản 6 Điều 91 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo P và L.

[6] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Quang L là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra để cải tạo, giáo dục các bị cáo và nhằm mục đích phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Lời bào chữa của Luật sư Mai Ngọc T bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Quang L phù hợp với nội dung cáo trạng đã truy tố các bị cáo P và L, luận tội của Kiểm sát viên về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không tham gia phát biểu tranh luận.

Bị cáo P, L khi thực hiện hành vi phạm tội đều là người chưa đủ 18 tuổi; trình độ học vấn thấp, hoàn cảnh gia đình nghèo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục H8 quả bồi thường thiệt hại xong; phạm tội Nng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 xử phạt bị cáo P, L hình phạt là 06 tháng 11 ngày và trả tự do cho các bị cáo tại phiên tòa.

Xét thấy lời bào chữa của Luật sư T về áp dụng dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu áp dụng tình tiết giảm nhẹ là điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là chưa phù hợp, nên không được tòa chấp nhận, vì tài sản các bị cáo chiếm đoạt nhiều hơn định lượng định khung hình phạt. Mặc khác việc khắc phục bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị Ngọc H5 chưa xong chỉ mới được 50%, Nng do bà H5 không yêu cầu bồi thường thêm, nên Tòa không giải quyết.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Trần Thanh S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Hà đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với tiền bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc H5, mẹ của bị cáo L là chị Nguyễn Thị Cẩm H3 đã bồi thường cho chị H5 thay cho bị cáo L và P 500.000 đồng, còn lại 500.000 đồng chị H5 không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng P trình bày bản thân bị cáo đã bồi thường cho chị H5 500.000 đồng, nhưng qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, không có cơ sở chứng minh cho việc bị cáo P đã bồi thường cho chị H5 500.000 đồng, nên lời trình bày của bị cáo P không được tòa chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản bị trộm cho bị hại là đúng quy định của pháp luật, nên không xem xét giải quyết.

10] Bị cáo Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Quang L bị kết tội, không thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 11 và không thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Quang L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của các bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm o Điều 52; khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự; khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng P 06 (sáu) tháng 11 (mười một) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/04/2021. Do bị cáo P bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2021 đến ngày 08/10/2021 bằng với mức hình phạt tù đã tuyên, nên trả tự do cho bị cáo Nguyễn Hoàng P ngay tại phiên tòa.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự; khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quang L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quang L 06 (sáu) tháng 11 (mười một) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/04/2021. Do bị cáo L bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2021 đến ngày 08/10/2021 bằng với mức hình phạt tù đã tuyên, nên trả tự do cho bị cáo Nguyễn Quang L ngay tại phiên tòa.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không có;

4. Về xử lý vật chứng: Không có.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng P và bị cáo Nguyễn Quang L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với người đại diện hợp pháp của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CQ CSĐT Công an huyện Lấp Vò;
- CC THADS huyện Lấp Vò;
- Các bị cáo; ĐDHP của bị cáo;
- Bị hại; người có liên quan;
- Lưu: HSVA, VPTA ^(Đuàn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thành Hội

